

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 200....



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lại Văn Quán

THÁNG 5 NĂM 2011

**CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

Số : 07/QĐ - HĐQT

Hà nội , ngày 30 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của công ty cổ phần công trình 6*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình 6 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11/4/2011,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần công trình 6 ; gồm 18 chương , 83 điều .

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/4/2011.

Điều 3 : Hội đồng quản trị ; Tổng giám đốc Công ty CP Công trình 6 ; Chủ tịch các Công ty con ; Trưởng các Phòng - Ban ; Giám đốc các Xí nghiệp - Chi nhánh trong toàn Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *T. Thanh*

Nơi nhận :

- HĐQT Cty
- Sở KHĐT Hà Nội
- Ủy ban CKNN
- Như điều 3 (thực hiện)
- Lưu văn thư

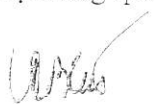
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lại Văn Quán

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	6
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Định nghĩa.....	6
CHƯƠNG II.	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên Công ty, hình thức, trụ sở và đại diện theo pháp luật	7
Điều 3. Chi nhánh và văn phòng đại diện.....	7
Điều 4. Tư cách pháp nhân	8
Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của công ty.	8
CHƯƠNG III.....	8
MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ,	8
PHẠM VI KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	8
Điều 6. Mục tiêu, ngành nghề và phạm vi kinh doanh của Công ty 6	8
Điều 7. Thời hạn hoạt động	9
CHƯƠNG IV.	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THỪA KẾ	9
Điều 8. Vốn điều lệ	9
Điều 9. Cổ phần	10
Điều 10. Chứng chỉ cổ phiếu	10
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 12. Chào bán cổ phần.....	11
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	12
Điều 15. Thừa kế cổ phần	13
CHƯƠNG V.....	13
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	13
Điều 16. Quy định chung về cổ đông	13
Điều 17. Quyền của cổ đông.....	14
Điều 18. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 19. Quyền lợi của cổ đông là người lao động tại công ty	15
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Các đại diện được ủy quyền	18
Điều 23. Thay đổi các quyền	18
Điều 24. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 26. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VI.	24
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 6, QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON	24
Điều 31. Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh	24
Điều 32. Quyền quản lý tài chính	25
Điều 33. Quyền chi phối các đơn vị thành viên.....	25
Điều 34. Nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh	25

Điều 35. Nghĩa vụ quản lý tài chính	26
Điều 36. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty 6 đối với các đơn vị thành viên	26
Điều 37. Các đơn vị trực thuộc và công ty con của Công ty	27
Điều 38. Các đơn vị trực thuộc Công ty	27
Điều 39. Các công ty con - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ 100% vốn điều lệ	27
Điều 40. Các công ty con do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối.....	28
Điều 41. Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi của người đại diện Công ty Cp Công trình 6	29
Điều 42. Quan hệ chung trong Công ty CP Công trình 6 với các công ty con	29
CHƯƠNG VII.	31
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 45. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 46. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 47. Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị.....	38
CHƯƠNG VIII.	39
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ	39
KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	39
Điều 48. Tổng Giám đốc và nhiệm kỳ của Tổng giám đốc	39
Điều 49. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc	39
Điều 50. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	39
Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám đốc công ty	41
Điều 52. Ủy quyền - ủy nhiệm.....	42
Điều 53. Cán bộ quản lý	42
Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý	42
Điều 55. Bộ máy giúp việc của Công ty	43
Điều 56. Thư ký Công ty	43
CHƯƠNG IX.	43
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	43
Điều 57. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	43
Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
CHƯƠNG X.	45
BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 60. Ban kiểm soát	45
Điều 61. Thành viên Ban kiểm soát.....	46
CHƯƠNG XI.	47
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 62. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
CHƯƠNG XII.	48
TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	48
Điều 63. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty	48
Điều 64. Công nhân viên và công đoàn	48
Điều 65. Chế độ và quyền lợi của người lao động.....	48

CHƯƠNG XIII.....	49
HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TÀI KHOẢN NGÂN.....	49
HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	49
Điều 66. Trình báo cáo hàng năm.....	49
Điều 67. Cổ tức.....	49
Điều 68. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	50
Điều 69. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.....	51
Điều 70. Tài khoản ngân hàng.....	51
Điều 71. Hệ thống kế toán.....	51
Điều 72. Năm tài khóa.....	51
CHƯƠNG XIV.....	51
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	51
Điều 73. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	51
Điều 74. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	52
CHƯƠNG XV.....	52
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	52
Điều 75. Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVI.....	53
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	53
Điều 76. Chấm dứt hoạt động.....	53
Điều 77. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	53
Điều 78. Thanh lý.....	53
CHƯƠNG XVII.....	54
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	54
Điều 79. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
CHƯƠNG XVIII.....	54
CON DẤU, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	54
VÀ NGÀY HIỆU LỰC.....	54
Điều 80. Con dấu.....	54
Điều 81. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	54
Điều 82. Ngày hiệu lực.....	54
Điều 83. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.....	55

ĐIỀU LỆ

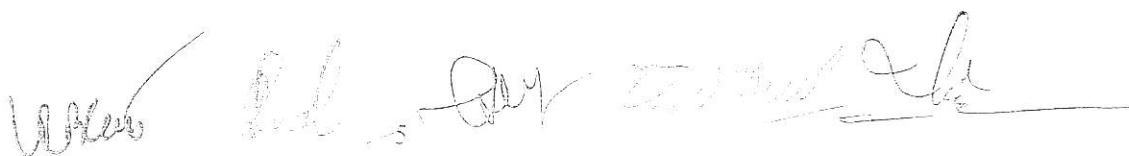
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-HĐQT ngày 30/5/2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình 6)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 ;
- Căn cứ Quyết định 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán ;
- Căn cứ quyết định số 4446/2002/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Công trình 6, trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ công văn số: 2045/ĐS-HĐQT ngày 13/9/2007 của HĐQT Tổng công ty ĐSVN v/v sắp xếp, chuyển đổi tổ chức Công ty CP đá Phú Lý - sáp nhập vào Công ty CP Công trình 6 ;
- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Công trình 6 ngày 26/11/2007 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Đá Phú Lý ngày 28/11/2007;
- Căn cứ hợp đồng sáp nhập giữa Công ty CP Công trình 6 với Công ty CP Đá Phú Lý được ký ngày 04 tháng 12 năm 2007;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Công trình 6 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2007 và được ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 10/12/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình 6;

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 11 tháng 4 năm 2011.



CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005;
 - c. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng Công ty ;
 - d. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp;
 - e. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết ;
 - f. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g. Công ty mẹ - Công ty cổ phần Công trình 6 (sau đây gọi tắt là Công ty 6) là Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, có điều lệ tổ chức và hoạt động, có con dấu, có biểu tượng; được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật;
 - h. Công ty con là các công ty do Công ty 6 đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Công ty 6 giữ cổ phần, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty TNHH một thành viên, Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài;
 - i. Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty 6;
 - j. Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty 6 chiếm trên 50% vốn điều lệ của Công ty con;
 - k. Quyền chi phối của Công ty CP Công trình 6 là quyền của Công ty mẹ quyết định đối với điều lệ hoạt động, nhân sự các chức danh quản lý chủ chốt, tổ chức quản lý, thị trường, dịch vụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư, định hướng lựa chọn công nghệ và các quyết định quan trọng khác của Công ty con, Công ty bị chi phối.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên Công ty, hình thức, trụ sở và đại diện theo pháp luật

1. Tên gọi đầy đủ : **Công ty cổ phần Công trình 6**;
Tên gọi tắt là : **Công ty 6** ;
Tên giao dịch tiếng Anh : **Construction Joint Stock Company No6** .
Tên gọi tắt tiếng anh : **CJSCoNo6**
2. Biểu tượng (Logo):



3. Hình thức: Công ty cổ phần Công trình 6 thành lập ngày 01/10/2003(sau đây gọi tắt là Công ty 6) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Công trình 6 - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty cổ phần Công trình 6 theo hình thức sở hữu chung hỗn hợp tài sản theo phần vốn góp. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt nam thông qua ngày 29/11/2005 và các luật khác có liên quan.

4. Trụ sở chính của Công ty 6 tại: Tổ 36 -TT.Đông Anh - H.Đông Anh - TP.Hà Nội ;

Điện thoại : 04 - 8832235 ; 04 - 8835681; Fax : 04 - 8832761 ;

Email : ctcpct6@vnn.vn Website : www.ctcpct6.com.vn và www.ctcpct6.vn

5. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 3. Chi nhánh và văn phòng đại diện

1. Công ty 6 có các Công ty con và đơn vị trực thuộc :
 - a. Công ty TNHH một thành viên Đá Phú Lý : Tại xã Châu Sơn - thị xã Phú Lý - tỉnh Hà Nam ;
 - b. Xí nghiệp Công trình 601: Tại tổ 36 ,TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;
 - c. Xí nghiệp Công trình 602: Tại tổ 36 ,TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;
 - d. Xí nghiệp Công trình 603: Tại tổ 36 ,TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;
 - e. Xí nghiệp Công trình 604: Tại 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh , T.P Hồ Chí Minh ;
 - f. Xí nghiệp Công trình 610: Tại tổ 36 ,TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;
 - g. Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp: Tại tổ 38 , TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;
 - h. Xí nghiệp Vật liệu - Xây dựng Tháp Chàm : Tổ 6 , phường Đô Vinh , thành phố Phan Rang – Tháp Chàm , tỉnh Ninh Thuận ;
 - i. Xí nghiệp Đá Suối Kiết : Thôn 1 , xã Suối Kiết , huyện Tánh Linh , tỉnh Bình Thuận.
 - j. Đội Công trình : Tại tổ 36 ,TT. Đông Anh , H.Đông Anh , TP.Hà Nội;



2. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với Nghị quyết Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 4. Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần Công trình 6:

1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam .
2. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật .
3. Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
4. Chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác theo quy định của pháp luật .
5. Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính .
6. Có bảng cân đối kế toán riêng ; được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của công ty.

1. Cơ cấu tổ chức quản lý:
Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
 - a. Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hội đồng quản trị;
 - c. Tổng giám đốc điều hành;
 - d. Ban kiểm soát.
2. Nguyên tắc tổ chức và điều hành:
 - a. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ , tuân thủ pháp luật Việt nam ;
 - b. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Đại hội đồng cổ đông bầu: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty; Bầu Ban kiểm soát để giám sát các hoạt động của công ty ;
 - d. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi miễn; Tổng giám đốc là người điều hành trực tiếp các hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ, PHẠM VI KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 6 . Mục tiêu, ngành nghề và phạm vi kinh doanh của Công ty 6

1. Mục tiêu:
 - a. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa;
 - b. Tạo công ăn việc làm, ổn định với thu nhập ngày càng cao cho người lao động;
 - c. Tăng lợi tức cho các cổ đông;



- d. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
2. Chức năng kinh doanh của Công ty theo giấy phép đăng ký kinh doanh :
- a. Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: Đường sắt, đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu, cống, nhà ga, ke, kè);
 - b. Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, đường điện dưới 35KV;
 - c. Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
 - d. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư, đô thị;
 - e. Khai thác và chế biến đá;
 - f. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
 - g. Buôn bán vật tư , phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
 - h. Dịch vụ vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường sắt;
 - i. Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công công trình; sản xuất các sản phẩm cơ khí;
 - j. Giám sát công trình không do Công ty thi công;
 - k. Kinh doanh thương mại, nhà khách, vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
 - l. Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - m. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
 - n. Xây dựng công trình bưu điện;
 - o. Cho thuê kho , nhà xưởng sản xuất;
 - p. Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.
3. Phạm vi kinh doanh của công ty: Trong cả nước và quốc tế.

Điều 7. Thời hạn hoạt động

Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 76 và Điều 77.2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm (kể từ ngày 01/10/2003). Việc chấm dứt hoặc gia hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THỪA KẾ

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là : 61.080.780.000 (Sáu mươi một tỷ, không trăm tám mươi triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các phần bằng nhau với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào các mục đích sau:

a. Mua bán tài sản cố định, máy móc ,trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;



- b. Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ, công nghệ;
- c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh;
- d. Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản;
- e. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

Điều 9 . Cổ phần

1. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần của công ty gọi là cổ đông phổ thông.

2. Trong thời hạn 3 năm , kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (01/10/2003), cổ phần phổ thông của các thành viên Hội đồng quản trị được tự do chuyển nhượng cho nhau, nếu chuyển nhượng cho các cổ đông phổ thông khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông . Hết thời hạn 03 năm (kể từ 01/10/2006) các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của thành viên Hội đồng quản trị được bãi bỏ.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định trong điều lệ này.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

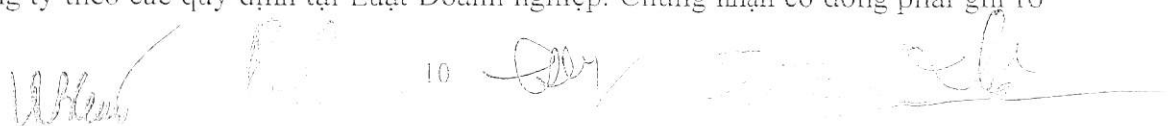
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty được gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 của Điều này.

3. Chứng nhận cổ đông phải có dấu của Công ty và chữ ký của chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ đông phải ghi rõ

 10

số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ đông ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

4. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ đông.

5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ đông, số lượng thay đổi tăng giảm sẽ được ghi trong chứng nhận cổ đông của người mua và người bán.

6. Trường hợp chứng nhận cổ đông bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phần đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

7. Người sở hữu chứng nhận cổ đông phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

8. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 12. Chào bán cổ phần

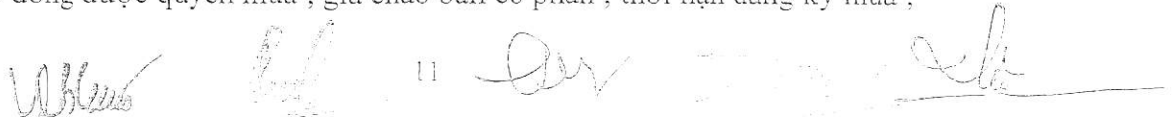
1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần và chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì công ty phải:

a. Thông báo bằng văn bản đến các cổ đông; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua;



b. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác ;
c. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông đó coi như đã không nhận được quyền ưu tiên mua.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại điểm d khoản 2 điều 86 của Luật doanh nghiệp được ghi đúng , ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty cấp cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không giao cổ phiếu .Trong trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 điều 86 Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty .

5. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 13 . Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Các cổ phần ưu đãi có điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi điều kiện hạn chế đã hết.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng

 12

quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Thừa kế cổ phần

1. Cổ đông có quyền để thừa kế cổ phần của mình cho người khác song phải có đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật .

2. Trường hợp có nhiều người cùng được thừa kế hợp pháp, thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật;

3. Người được thừa kế hợp pháp phải đăng ký lại vào sổ cổ đông tại trụ sở Công ty hoặc tổ chức mà Công ty lưu ký cổ phiếu để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của một cổ đông.

CHƯƠNG V.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân, thể nhân hoặc các tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty hoặc Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam .

3. Cổ đông đăng ký và thay đổi địa chỉ phải theo quy định sau :

a. Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân thuộc đối tượng nước ngoài bắt buộc phải có địa chỉ đăng ký ổn định tại Việt Nam ;

b. Các cổ đông khi thay đổi địa chỉ đăng ký phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Công ty cổ phần Công trình 6 ;

c. Công ty cổ phần Công trình 6 chỉ gửi mọi thông tin cho các cổ đông có địa chỉ tại Việt Nam . Các địa chỉ ở nước ngoài hoặc cổ đông không thông báo kịp thời việc thay đổi địa chỉ đăng ký của mình thì Công ty cổ phần Công trình 6 không chịu trách nhiệm bất cứ thiệt hại nào của cổ đông .

4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty :

a. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân, tổ chức:

- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty do Đường sắt Việt Nam cử ;

- Đối với các pháp nhân khác và các tổ chức ,người đại diện cổ đông tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân hay tổ chức đó;

b. Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện tại Công ty. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân, tổ chức tại Công ty không được uỷ quyền lại cho người khác;

 13

c. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty;

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;

e. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa uỷ quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất và kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành.

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 43.4 và Điều 61.2 Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

- Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;
 - Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh;
 - Phát hiện Lãnh đạo Công ty có dấu hiệu tham nhũng, cố ý làm trái gây thiệt hại cho Công ty;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- c. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh ...);
- d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 18. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
4. Không thực hiện các hành vi làm phương hại đến uy tín và lợi ích kinh doanh của công ty.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 19. Quyền lợi của cổ đông là người lao động tại công ty

1. Được đảm bảo các quyền lợi theo pháp luật hiện hành.
2. Được tạo điều kiện thời gian về tham dự Đại hội đồng cổ đông của Công ty.



Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường :

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp ;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;



d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại 21.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.



Điều 22. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại 21.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.


18

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25 và Điều 27 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24 . Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4b, 4c Điều 20 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

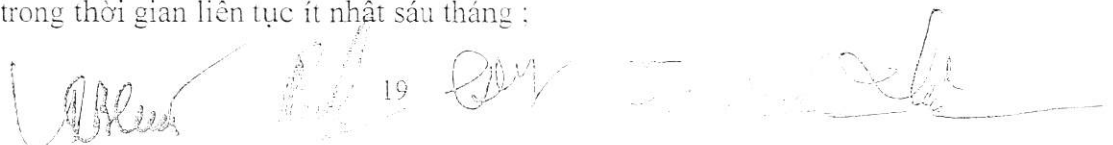
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất ^(15 ngày) mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 17.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng ;



c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 24.3 của Điều lệ này.

Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội,



thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ;

 21

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Bầu Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu đồng ý của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung

biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI.

**QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 6, QUAN HỆ CỦA CÔNG TY
VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON**

Mục 1 -QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 31. Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh

1. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành nghề, hình thức kinh doanh, đầu tư.
2. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp ; quản lý và sử dụng các tài sản là đất đai , tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty .
3. Tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị sản xuất phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
4. Sử dụng vốn của công ty hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập công ty TNHH, công ty cổ phần ,công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài. Quyết định thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện.
5. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với các khách hàng trong và ngoài nước;.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, sản phẩm và dịch vụ khác. Trừ mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước định giá.
8. Được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích trong sản xuất, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua cổ phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác học tập nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng phát triển sản xuất của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước.

Điều 32. Quyền quản lý tài chính

1. Huy động vốn để sản xuất kinh doanh dưới các hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu; chỉ đạo các công ty cổ phần phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; vay vốn các tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Pháp luật.

2. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển.

3. Bảo lãnh cho các công ty con vay vốn của các tổ chức tín dụng ngân hàng.

4. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

5. Nhượng bán, cho thuê, thanh lý những tài sản không dùng đến hoặc không dùng hết công suất.

6. Phát hành, chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật. Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty tại các ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8. Được hưởng các chế độ ưu đãi về Tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 33. Quyền chi phối các đơn vị thành viên

Công ty 6 chi phối các đơn vị thành viên thông qua vốn, nghiệp vụ, dịch vụ, công nghệ, thị trường và thương hiệu theo Điều lệ của công ty 6, Điều lệ của công ty con hoặc các Quy chế quản lý của công ty 6.

Mục 2 - NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 34. Nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do công ty thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động; thực hiện chế độ BHXH, BHYT và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Bảo đảm cho cổ đông tham gia quản lý Công ty thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được xây dựng, sửa đổi điều lệ của Công ty.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các quy định về phòng chống cháy nổ và các quy định khác phù hợp với pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật về Thống kê - Kế toán cũng như của các cơ quan quản lý Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo.

7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định của Nhà nước về thanh tra.

Điều 35. Nghĩa vụ quản lý tài chính

1. Bảo toàn và phát triển vốn .Kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận; quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

2. Tổ chức công tác kế toán , lập và nộp báo cáo tài chính trung thực , chính xác , đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán .

3. Thực hiện đúng chế độ và các quy định của pháp luật về quản lý vốn, tài sản, chế độ trích lập và sử dụng các quỹ, chế độ kiểm toán và các chế độ khác ; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp trong các hoạt động tài chính của công ty.

4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm , và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả của công ty mẹ; Thực hiện các nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Thực hiện các chế độ công khai theo quy định của luật chứng khoán .

Điều 36. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty 6 đối với các đơn vị thành viên

1. Nghĩa vụ:

a. Định hướng chiến lược kinh doanh của các đơn vị thành viên theo chiến lược kinh doanh chung của công ty mẹ;

b. Phối hợp với các đơn vị thành viên để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên;

c. Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên;

d. Định hướng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

e. Thực hiện các quyền chi phối đối với công ty con, theo Điều lệ của công ty con. Công ty 6 không lạm dụng quyền chi phối, làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với công ty con và gây thiệt hại cho công ty con và các bên có liên quan thì Công ty 6 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty con và các bên có liên quan:

- a. Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với công ty này;
- b. Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển. Trừ các trường hợp: Điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại doanh nghiệp; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- c. Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác không có sự thoả thuận với công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị sụt giảm nghiêm trọng;
- d. Quyết định các nhiệm vụ sản kinh doanh đối với các công ty con trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ cho công ty con không dựa trên cơ sở hợp đồng kinh tế;
- e. Buộc công ty con cho Công ty mẹ hoặc cho công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp, điều kiện cho vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Công ty mẹ hoặc công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro .

Mục 3- QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON

Điều 37. Các đơn vị trực thuộc và công ty con của Công ty

Công ty CP Công trình 6 có các đơn vị trực thuộc, công ty con như đã giải thích tại Điều 1 của Điều lệ này. Danh sách các đơn vị trực thuộc, công ty con tại thời điểm phê duyệt Điều lệ Công ty được nêu tại phụ lục của Điều lệ này.

Điều 38. Các đơn vị trực thuộc Công ty

1. Các đơn vị trực thuộc Công ty có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc Công ty, có con dấu, trụ sở, bộ máy quản lý, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng, được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính theo phân công quản lý của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

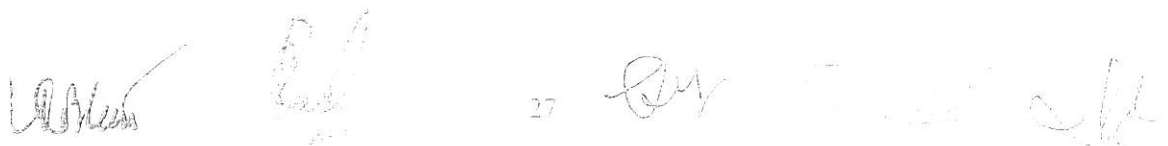
2. Các đơn vị trực thuộc Công ty có thể được tổ chức dưới hình thức xí nghiệp, đội , nhà máy, trung tâm, chi nhánh (gọi chung là *Chi nhánh*).

Điều 39. Các công ty con - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là pháp nhân kinh tế độc lập, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động được Công ty 6 phê duyệt.

2. Công ty CP Công trình 6 là chủ sở hữu của các công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình 6 thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với các công ty con - Công ty TNHH một thành viên như sau:

- a. Quyết định ban hành và sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty con ;



b. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của công ty con, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty con cho tổ chức, cá nhân khác;

c. Quyết định phương hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh dài hạn, các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty con.

d. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty con để Chủ tịch Công ty quyết định ban hành. Quyết định giá bán nội bộ các loại sản phẩm giữa các công ty con với các đơn vị trực thuộc công ty CP Công trình 6;

e. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của công ty con tại thời điểm gần nhất;

f. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, mô hình tổ chức quản lý các công ty con, các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty;

g. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, thưởng, phụ cấp, cho nghỉ chế độ và các lợi ích khác của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên các Công ty con. Phê duyệt đề Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm (hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thuê), mức lương, thưởng cho nghỉ chế độ và các lợi ích khác của Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng công ty con;

h. Giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty con, hoạt động quản lý của Chủ tịch công ty nhằm bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo mức lợi tức của Công ty CP Công trình 6. Chế độ giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động của công ty con và Chủ tịch công ty do HĐQT Công ty CP Công trình 6 quy định cụ thể;

i. Duyệt báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, quyết định sử dụng lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ của công ty do Chủ tịch công ty trình;

j. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động và tiền lương của Công ty con. Xem xét bản đăng ký của công ty con về kế hoạch lao động tiền lương, các quy chế trong lĩnh vực lao động, tiền lương, nếu phát hiện bất hợp lý hoặc trái quy định thì chỉ đạo và yêu cầu công ty con sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp;

k. Giao tài nguyên, ranh giới và một số nguồn lực khác cho công ty con quản lý, bảo vệ và khai thác theo đúng quy định của pháp luật và tuân thủ các quy chế quản lý, cơ chế điều hành của Công ty CP Công trình 6;

l. Các quyền khác quy định tại quy chế tài chính và các quy chế quản lý khác của Công ty CP Công trình 6.

3. Các công ty TNHH một thành viên do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ 100% vốn điều lệ có các quyền và nghĩa vụ cụ thể được quy định trong điều lệ công ty con do HĐQT Công ty CP Công trình 6 ban hành nhưng không được trái các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ này.

Điều 40. Các công ty con do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối

1. Các công ty con do Công ty CP Công trình 6 nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 2 thành viên trở lên ... là pháp nhân kinh tế độc lập được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình công ty đó và theo Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên công ty đó thông qua.

2. Công ty CP Công trình 6 là đồng sở hữu các công ty con nêu ở khoản I điều này. Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình 6 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn của công ty đầu tư vào các công ty con này.

3. Công ty CP Công trình 6 thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các công ty con do Công ty nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối (sau đây gọi là công ty bị chi phối) như sau:

a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện của mình tại Công ty bị chi phối theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty bị chi phối.

Người đại diện của Công ty có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định cụ thể của Công ty CP Công trình 6;

b. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp của Công ty CP Công trình 6 tại Công ty bị chi phối;

c. Yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Công ty định hướng công ty bị chi phối thực hiện mục tiêu do Công ty CP Công trình 6 giao và thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của công ty mẹ - công ty con, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và các nội dung hoạt động của công ty bị chi phối;

d. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Công trình 6 xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của công ty bị chi phối trước khi biểu quyết; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối và các nguồn lực khác của Công ty 6 tại các công ty bị chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty cổ phần Công trình 6;

e. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở công ty bị chi phối;

f. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty bị chi phối;

g. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty bị chi phối.

Điều 41. Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi của người đại diện Công ty Cp Công trình 6

1. Người đại diện tại công ty con tham gia vào bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp được hưởng lương, phụ cấp, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong Điều lệ của công ty con và do công ty đó chi trả.

2. Người đại diện tại các công ty con không được công ty đó chi trả lương, phụ cấp, thưởng và các quyền lợi khác thì được Công ty cổ phần Công trình 6 chi trả theo quy chế.

3. Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ khác ở cả hai nơi.

Điều 42. Quan hệ chung trong Công ty CP Công trình 6 với các công ty con

Ngoài các mối quan hệ về đầu tư vốn giữa Công ty CP Công trình 6 và các công ty con, còn có các mối quan hệ, các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Trong công tác kế hoạch hoá và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh:

a. Trên cơ sở định hướng của CP Công trình 6, dự báo thị trường và năng lực của các công ty con, Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo bộ máy điều hành làm việc với các Công ty con về xây dựng kế hoạch phối hợp kinh doanh, thông báo các chỉ tiêu, kế hoạch đặt hàng,



các chỉ tiêu công nghệ, định mức tổng hợp, đơn giá tiền lương, đơn giá sản phẩm... để các công ty con xây dựng kế hoạch và cùng công ty mẹ xây dựng kế hoạch phối hợp kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ do Công ty sản xuất, cung ứng;

b. Tổng giám đốc trình HĐQT Công ty thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh, sau đó Tổng giám đốc ký kết hợp đồng với các công ty con và chỉ đạo tổ chức thực hiện;

c. Công ty CP Công trình 6 chủ trì thành lập các quỹ tập trung trên cơ sở đóng góp của Công ty mẹ và các công ty con tham gia thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh để thực hiện những công việc chung.

2. Trong công tác tài chính, kế toán, thống kê:

a. Công ty CP Công trình 6 hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các công ty con thực hiện chế độ, chính sách về kế toán, tài chính và thống kê theo đúng pháp luật và quy định của CP Công trình 6;

b. Công ty CP Công trình 6 làm đầu mối tổng hợp các báo cáo kế toán, tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật, theo hướng dẫn của các cơ quan nhà nước;

c. Công ty CP Công trình 6 bảo lãnh cho các công ty con vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng theo đề nghị của các công ty con và theo quy định của điều lệ này.

3. Trong công tác quản trị tài nguyên và môi trường; quan hệ quốc tế; khoa học công nghệ; an toàn lao động và phòng chống thiên tai: Công ty CP Công trình 6 thống nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc quản lý tài nguyên và các công tác: môi trường, quan hệ quốc tế, khoa học công nghệ, an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

4. Trong công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, thi đua, văn hoá thể thao và công tác xã hội: Công ty CP Công trình 6 là đầu mối, chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong việc quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, thi đua, văn hoá thể thao và công tác xã hội.

5. Trong công tác hành chính:

a. Công ty CP Công trình 6 là đầu mối tiếp nhận các văn bản pháp quy của Nhà nước, văn bản của Tổng công ty ĐSVN; sao gửi các văn bản đó cùng các văn bản quản lý của Công ty mẹ cho các công ty con và đơn vị trực thuộc;

b. Công ty CP Công trình 6 là đầu mối báo cáo Đường sắt Việt Nam hoặc tự giải quyết các thủ tục xuất nhập cảnh cho cán bộ, công nhân viên ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; tiếp nhận người nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Công ty mẹ và các công ty con.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có toàn quyền quyết định và chỉ đạo thực hiện đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Công ty 6.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông

ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty. Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty và kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty mẹ với công ty con;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;

c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy, nhân sự các đơn vị trực thuộc, các công ty con và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

l. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty con; Thông qua hợp đồng việc mua,

bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty con;

m. Quyết định Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên các công ty con - Công ty TNHH một thành viên;

n. Thông qua đề Tổng Giám đốc công ty mẹ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng với: Trưởng, Phó Phòng ban công ty mẹ; Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng các Chi nhánh - Xí nghiệp, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ;

o. Chấp thuận bằng văn bản đề Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, Phó Phòng ban công ty con;

p. Quyết định thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm cơ sở xếp lương, trả lương cho CBCNV trong toàn Công ty;

q. Giám sát, chỉ đạo: Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và lãnh đạo các Phòng, Ban công ty 6; Chủ tịch và kiểm soát viên các công ty TNHH một thành viên; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Xí nghiệp - Chi nhánh và người đại diện phần vốn của Công ty 6 ở các công ty con trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty 6 và Điều lệ của các đơn vị thành viên;

r. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty 6. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con và các Xí nghiệp - Chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

t. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

u. Quyết định ban hành và giám sát các định mức kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá; giá sản phẩm, dịch vụ; đơn giá tiền lương và xếp hạng doanh nghiệp của Công ty 6 và các công ty con, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật;

v. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, bên góp vốn đối với các doanh nghiệp khác mà Công ty 6 có vốn góp.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; các khoản chi phí hoa hồng, môi giới kiếm việc làm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài với tư cách là cổ đông sáng lập hay là một bên góp vốn;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và có thể một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành

của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Thay mặt Hội đồng quản trị ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác đầu tư cho Công ty, quản lý Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Công ty mẹ, công ty con trình Hội đồng quản trị;

c. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

d. Tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định, văn bản của Hội đồng quản trị;

e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

f. Có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc Công ty 6, Chủ tịch công ty TNHH một thành viên trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

h. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch hoặc cho một thành viên Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách việc quản trị công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 46. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.



2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp : Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp .

9. Biểu quyết:

a Trừ quy định tại Khoản 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;



c Theo quy định tại Khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 4a và 4b Điều 58 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích : Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số : Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác : Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;



b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động : Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 47. Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, hoặc thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Hội đồng quản trị cử người thay thế.



CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 48. Tổng giám đốc và nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 49. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc

1. Là người có đủ năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất chính trị vững vàng; có sức khỏe; có trình độ chuyên môn đại học trở lên; có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh thuộc các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hiểu biết pháp luật; thường trú tại Việt Nam.

2. Không thuộc các đối tượng được quy định tại Điều 13 của Luật doanh nghiệp.

3. Không đồng thời là Tổng giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 50. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

2. Quyết định tất cả các vấn đề trong phạm vi quyền hạn được giao, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị: Kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, tiền thưởng trong Công ty. Tổ chức thực hiện và kiểm tra các đơn vị trực thuộc, công ty con việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, các quy chế quản lý trong nội bộ công ty.

4. Trình Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý của công ty; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định) và ký kết các hợp đồng kinh tế không trái với Điều 44 Điều lệ này.

6. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.

39



7. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, thưởng đối với các chức danh : Phó Tổng giám đốc , Kế toán trưởng công ty 6; Chủ tịch công ty và kiểm soát viên các Công ty con.

8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm , ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, thưởng đối với các chức danh quản lý trong công ty : Trưởng, Phó các Phòng - Ban Công ty 6; Chánh, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các Chi nhánh - Xí nghiệp, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc Công ty và cán bộ công nhân viên dưới quyền, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm tại điểm 8 nêu trên .

10. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, các báo cáo tài chính quý, năm. Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền .

11. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị uỷ quyền .

12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu trái Luật, trái Điều lệ và trái Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát .

13. Tuyển dụng, thuê mướn, sử dụng lao động và cho thôi việc đối với người lao động phù hợp theo quy định của Luật lao động .

14. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

15. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

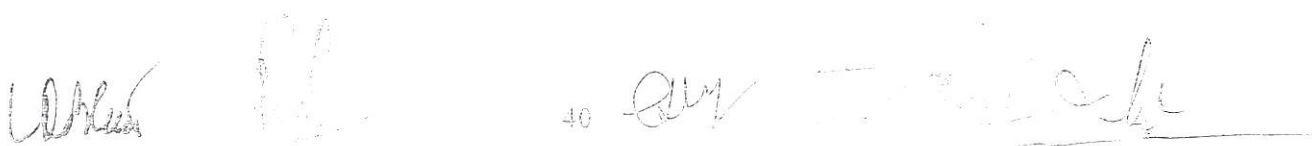
16. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

17. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

18. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

19. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

20. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Handwritten signatures and stamps are present at the bottom of the page. On the left, there is a signature that appears to be 'Ung'. In the center, there is a circular stamp with some text inside. To the right of the stamp, there is another signature that looks like 'Qu'. Further right, there is a long horizontal line, possibly a signature or a separator. The page number '40' is visible in the center.

Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng giám đốc công ty

1. Bổ nhiệm : Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Tổng giám đốc công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

a. Có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định ;

b. Mất tích, mất trí ;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ;

d. Vi phạm Điều 13 của Luật doanh nghiệp;

e. Ồm nặng không tham gia các hoạt động điều hành sản xuất trong sáu tháng liên tục;

f. Không đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao;

g. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 49 điều lệ này .

5. Tổng giám đốc công ty bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

a. Bị tước quyền công dân ;

b. Vi phạm pháp luật bị giam giữ và bị khởi tố hình sự;

c. Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, tham ô, tiết lộ bí mật, hoặc có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty;

d. Để Công ty lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu lợi nhuận hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp:

- Lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận vì các lý do bất khả kháng đã được giải trình và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

- Hoặc lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận do đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty.

6. Trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 52. Ủy quyền - ủy nhiệm

1. Tổng giám đốc công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình .

2. Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm .

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản .

4. Các Trường phòng, ban Công ty mẹ; Giám đốc các công ty con ,Chi nhánh - Xí nghiệp, đơn vị trực thuộc trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 53. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 54. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Có một Tổng giám đốc điều hành, một hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

3. Các Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

4. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán - thống kê của Công ty ; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

5. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là năm năm và có thể được bổ nhiệm lại không hạn chế số nhiệm kỳ.

6. Chế độ lương, thưởng, phụ cấp của các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 55. Bộ máy giúp việc của Công ty

1. Bộ máy giúp việc của Công ty gồm văn phòng và các phòng chuyên môn nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành công việc.

2. Số lượng các phòng, chức năng, nhiệm vụ, biên chế của từng phòng do Tổng giám đốc quyết định sau khi đã thông qua Hội đồng quản trị.

Điều 56. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 57. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích

của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường : Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là



thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 60. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu một lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 61. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 62. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 43.4 và Điều 61.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, lãnh đạo các phòng ban Công ty 6; lãnh đạo các chi nhánh-xí nghiệp trực thuộc, Chủ tịch công ty TNHH một thành viên cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, các công ty con và các đơn vị trực thuộc công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này được công bố trên website công ty.



CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 63. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty

Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.

Công ty cổ phần Công trình 6 tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức trên.

Điều 64. Công nhân viên và công đoàn

Tổ chức công đoàn hoạt động theo quy định của pháp luật. Tổng giám đốc điều hành phải tạo điều kiện cho tổ chức công đoàn hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định có liên quan.

Điều 65. Chế độ và quyền lợi của người lao động

1. Chế độ tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng :
 - a. Việc tuyển dụng lao động thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động được thoả thuận giữa Tổng Giám đốc và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế của Công ty ;
 - b. Việc chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện phù hợp với quy chế của công ty và theo đúng trình tự, quy định của pháp luật .
2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:
 - a. Các chế độ như: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ lao động khác mà pháp luật quy định được Công ty cổ phần Công trình 6 đảm bảo thực hiện ;
 - b. Các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động được ghi trong thoả ước lao động tập thể và quy chế quản lý lao động của Công ty ;
 - c. Người lao động được trả lương, thưởng theo quy chế của Công ty ; được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ lao động khác theo quy định của pháp luật;
 - d. Được tham gia sinh hoạt trong các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty. Được tham gia quản lý Công ty thông qua các tổ chức của mình .

CHƯƠNG XIII

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 66. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau để trình Đại hội cổ đông:

- e. Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty ;
- f. Báo cáo tài chính;
- g. Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành công ty .

2. Báo cáo tài chính hằng năm phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông. Các báo cáo và tài liệu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Các báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị ; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông . Các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty theo luật định .

4. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

5. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Điều 67. Cổ tức

1. Cổ tức được chia dựa trên lợi nhuận sản xuất kinh doanh khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật , trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ (nếu có).

2. Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt , chuyển khoản hoặc bằng cổ phiếu .

3. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị lập phương án về mức, hình thức trả cổ tức trình Đại hội cổ đông quyết định .

4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty .

5. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

6. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

8. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó

phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

9. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

10. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 68. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí ;
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - (Thuế thu nhập + các chi phí phải trừ sau thuế) .

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ :

Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định :

- Quỹ đầu tư phát triển tối thiểu : 10% lợi nhuận ròng;
- Quỹ khen thưởng tối thiểu : 5% lợi nhuận ròng;
- Quỹ phúc lợi tối thiểu : 5% lợi nhuận ròng.

3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận trích theo chế độ hiện hành như :

- Quỹ bảo hành sản phẩm;
- Quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định;
- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm .

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm;

Điều 69. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp kinh doanh thua lỗ Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ, đồng thời quyết định các biện pháp để khắc phục.

Điều 70. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 72. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

CHƯƠNG XIV**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG****Điều 73. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau khi công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 75 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài

chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Sau khi được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông bằng hình thức thích hợp; được công bố trên website của công ty và trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 74. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 75. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 76. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 77. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 78. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 79. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp .

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XVIII

CON DẤU, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 80. Con dấu

1. Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 81. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

Điều 82. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XVIII chương 83 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình 6 nhất trí thông qua ngày 11 tháng 4 năm 2011 tại Hà nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

54



2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ;
 - 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty .
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 83 . Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị ./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KÝ TÊN

Ts. / Trương Đức
Đặng Văn Tuấn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KÝ TÊN



Lại Văn Quát

Đặng Văn Tuấn *Lại Văn Quát*

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY
THÀNH LẬP ĐẾN NAY

STT	Ngày tháng	Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp	Ghi chú
1	29/9/2003	17.927.000.000 VNĐ	17.830.713.403 VNĐ	TCT đường sắt chưa góp đủ số vốn, Công ty 6 kiến nghị bổ sung bằng nguồn thanh lý tài sản không cần dùng.
2	19/7/2005	21.117.500.000 VNĐ	21.117.500.000 VNĐ	Tăng do phát hành cho CBNV và bổ sung từ nguồn thanh lý tài sản không cần dùng
3	19/6/2007	43.862.775.000 VNĐ	36.783.025.000 VNĐ	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (2.745.275.000 VNĐ) và phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho đối tác (12.920.250.000 VNĐ)
4	14/1/2008	47.918.775.000 VNĐ	40.835.205.000 VNĐ	Tăng 4.052.180.000 VNĐ do sáp nhập Công ty đá Phú lý
5	15/4/2009	47.918.775.000 VNĐ	42.334.010.000 VNĐ	Tăng 1.498.805.000 VNĐ do trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	1/6/2009	47.918.775.000 VNĐ	44.374.010.000 VNĐ	Tăng 2.040.000.000 VNĐ do phát hành cho cán bộ nhân viên.
7	1/6/2010	51.769.690.000 VNĐ	51.769.690.000 VNĐ	Tăng 7.395.680.000 VNĐ do trả cổ tức 2009 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
8	06/6/2011	61.080.780.000 VNĐ	61.080.780.000 VNĐ	Tăng 9.311.090.000 VNĐ do trả cổ tức 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

A . CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

1. Xí nghiệp Công trình 601 : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
2. Xí nghiệp Công trình 602 : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
3. Xí nghiệp Công trình 603 : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
4. Xí nghiệp Công trình 604 : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
5. Xí nghiệp Công trình 610 : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
6. Xí nghiệp Vật liệu - Xây lắp Tháp Chàm : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
7. Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
8. Xí nghiệp Đá Suối Kiết : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .
9. Đội Công trình : Đơn vị hạch toán phụ thuộc .

B . CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN (CÔNG TY CON):

I/ Các Công ty do Công ty CP Công trình 6 sở hữu 100% vốn điều lệ :

1. Công ty TNHH một thành viên Đá Phú Lý : Đơn vị hạch toán độc lập .

II/ Các Công ty do Công ty CP Công trình 6 sở hữu trên 50% vốn điều lệ :

